

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm mạnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

HAX, KDC

[Cập nhật công ty]

BID, VCS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh mua giá thấp khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ sâu.

12/12/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,032.07	-1.88
VN30	1,037.42	-2.60
HĐTL VN30F1M	1,035.20	-3.25
HNXIndex	210.53	-2.98
HNX30	355.54	-4.79
UPCoM	71.50	-0.14
USD/VND	23,609	-0.73
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.91	+0
Lãi suất qua đêm (%)	5.59	+39
Dầu (WTI, \$)	70.75	-0.38
Vàng (LME, \$)	1,790.83	-0.36



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,032.07 (-1.88%)
KLGD (triệu CP) 909.6 (+31.3%)
GTGD (triệu US\$) 694.7 (+26.9%)

TTCK giảm điểm mạnh với trước dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, với thanh khoản tăng nhẹ. Khối ngoại mua ròng ở DGC (+2.2%), SHB (-0.9%), FRT (+0.5%)

HNXIndex 210.53 (-2.98%)
KLGD (triệu CP) 127.6 (+6.7%)
GTGD (triệu US\$) 68.7 (+4.6%)

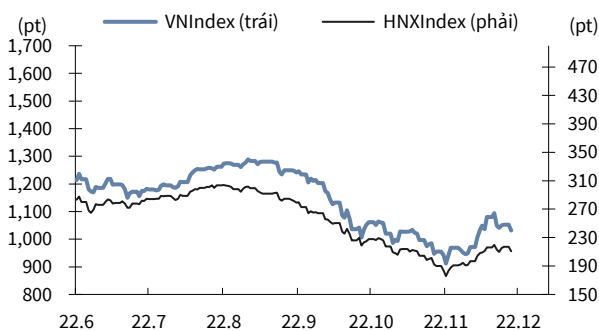
Giá dầu chứng kiến tuần sụt giảm mạnh nhất trong nhiều tháng, trước nỗi lo sợ ngày càng lớn về suy thoái sau loạt số liệu kinh tế yếu kém từ Trung Quốc, châu Âu và Mỹ. Cổ phiếu Dầu khí giảm điểm ở PVC (-3.88%), PVS (-3.48%), PVD (-2.08%).

UPCoM 71.50 (-0.14%)
KLGD (triệu CP) 41.9 (-26.8%)
GTGD (triệu US\$) 17.9 (+9.8%)

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu thủy sản cả nước 11 tháng đạt 10,17 tỷ USD, mức kỷ lục trong hơn 20 năm qua. Cổ phiếu Thủy sản tăng giá ở ANV (+6.9%), IDI (+6.54%), VHC (+2.29%).

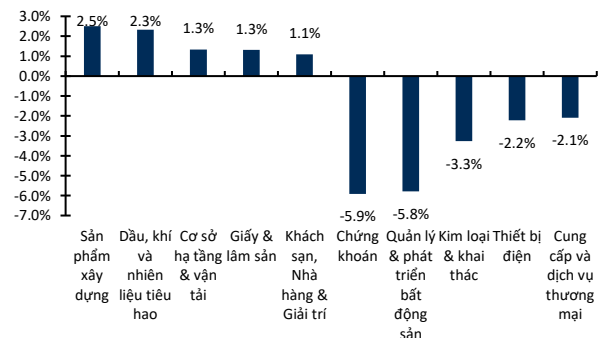
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) 14.3

VNIndex & HNXIndex



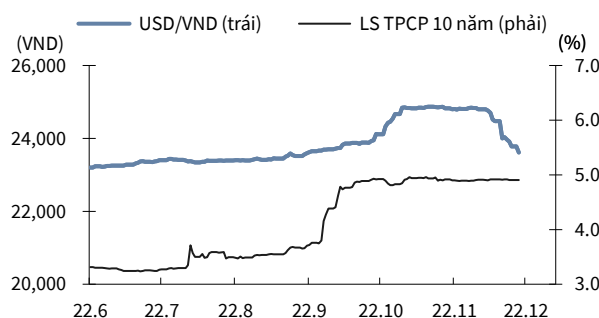
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



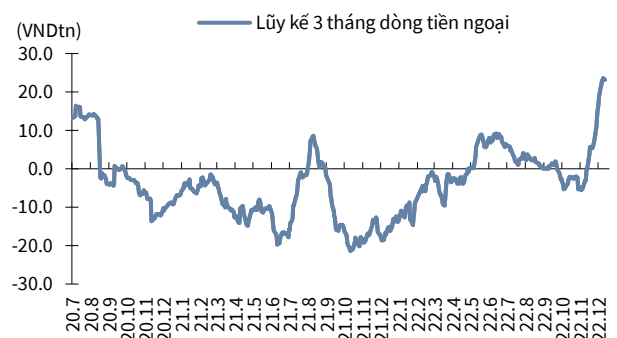
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

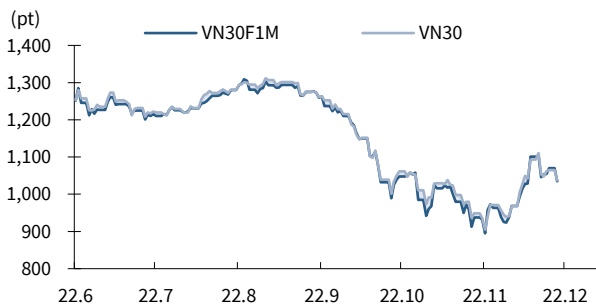
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,037.42 (-2.60%)
VN30F1M	1,035.2 (-3.25%)
Mở cửa	1,070.0
Cao nhất	1,074.3
Thấp nhất	1,035.2

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của VN30. F2212 và chỉ số VN30 chênh lệch mở cửa ở mức cao nhất ngày 8.9 điểm, sau đó thu hẹp biên độ trong phiên và đóng cửa ở mức -3.3 điểm. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

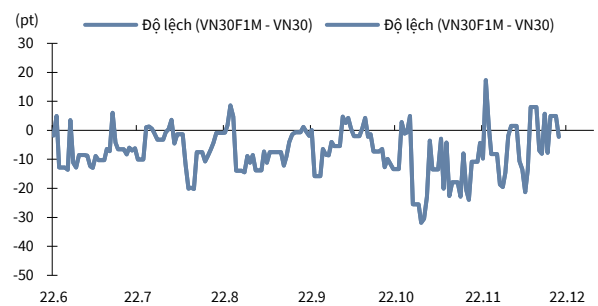
KLGD (HĐ)	414,711 (-27.8%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



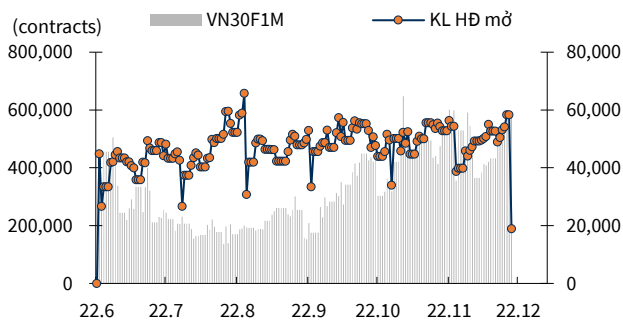
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



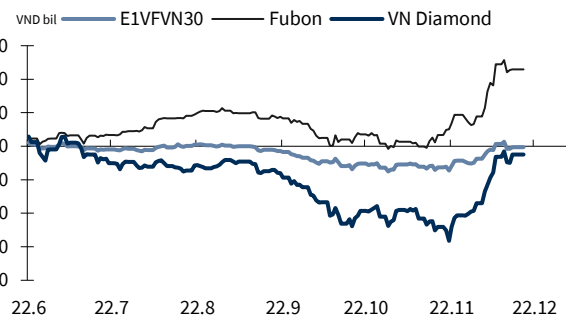
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

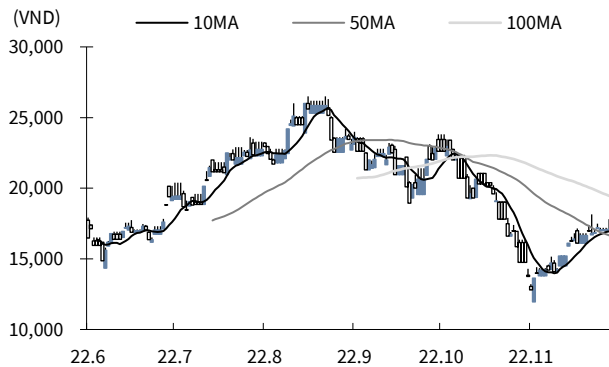
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Dịch Vụ Ô Tô Hàng Xanh (HAX)

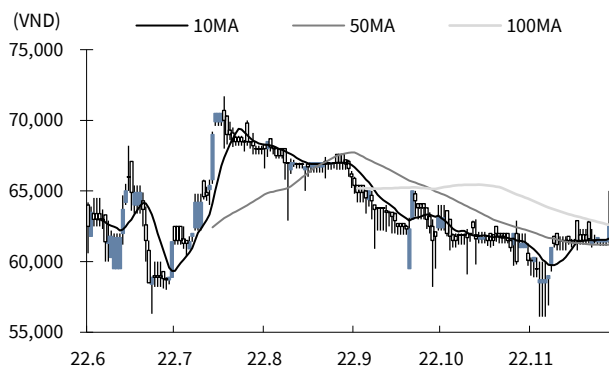


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAX tăng 0.29% lên 17,100 VND/cp

- CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh thông qua việc góp vốn vào CTCP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (Mitaco) để mở rộng phát triển lĩnh vực kinh doanh của công ty. Vốn đầu tư của Haxaco tối đa vào Mitaco là 100 tỷ đồng, với tỷ lệ đầu tư trên 60% tổng vốn cổ phần. Giá mua cổ phần tối đa là 30,000 đồng/cổ phần. Kinh phí từ nguồn lợi nhuận sản xuất kinh doanh.

CTCP Tập đoàn KIDO (KDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDC tăng 1.63% lên 62,500 VND/cp

- CTCP Tập đoàn KIDO vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2022 dự kiến diễn ra ngày 20/12 tới. Theo tờ trình, KIDO muốn mua lại 10 triệu cổ phiếu KDC, tương ứng 3.57% lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Giao dịch dự kiến thực hiện qua khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận trong năm 2023, sau khi công ty bán toàn bộ lượng cổ phiếu quỹ đang nắm giữ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu.

BIDV (BID)

Kì vọng đẩy tăng trưởng tín dụng tháng cuối năm

Chuyên viên phân tích Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

12/12/2022

3Q2022, LNTT đạt 6,673 tỷ VND, tăng 149.6% YoY

3Q2022, BID duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực với thu nhập lãi thuần đạt 14,098 tỷ VND (-3.5% QoQ, +15.5% YoY); TOI đạt 17,555 tỷ VND (-3.2% QoQ, +15.1% YoY); LNTT 3Q2022 đạt 6,673 tỷ VND (+2.8% QoQ, +149.6% YoY). Lũy kế 9 tháng đầu năm, LNTT đạt 17,677 tỷ VND, tăng 64.7% YoY với tăng trưởng tín dụng 3Q2022 đạt 10.1% YTD.

NIM 3Q2022 đạt 2.93%, giảm 3bps QoQ. Tỷ lệ CASA giảm 100 bps QoQ

NIM 3Q2022 đạt 2.93% (-3bps QoQ, -11bps YoY) trong đó lãi suất bình quân đầu ra tăng 6bps QoQ nhờ tăng tỷ trọng cho vay bán lẻ và khối doanh nghiệp, giảm tỷ trọng cho vay tổ chức tài chính. Trong khi đó, chi phí đầu vào bình quân tăng 10bps QoQ do: (1) Lãi suất thị trường 2 tăng; (2) Tỷ lệ CASA đạt 18.8%, giảm 100bps QoQ.

BID được nới room tăng trưởng tín dụng thêm khoảng 2%

Trong tháng 12/2022, KBSV kì vọng BID có thể đẩy giải ngân tín dụng lên mức tăng trưởng cao hơn dựa trên: (1) NHNN vừa quyết định nới trần tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống thêm khoảng 1.5% - 2% trong đó BID được bổ sung thêm khoảng 2% room tín dụng; (2) Tỷ giá USD/VND có tín hiệu hạ nhiệt qua đó giảm áp lực lên lãi suất huy động cũng như cho vay – tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có khả năng tiếp cận các khoản vay với chi phí hợp lý.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 44,800 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 44,800 VND/cp, cao hơn 14.9% so với giá tại ngày 08/12/2022.

NĂM GIỮ

Giá mục tiêu VND 44,800

Tăng/Giảm	14.9%
Giá hiện tại (09/12/2022)	VND 39,000
Giá mục tiêu thị trường	VND 35,768
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	197,282

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	57/2.4
Sở hữu nước ngoài (%)	16.94%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

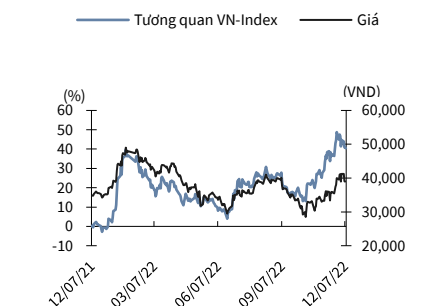
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	8	11	32	13
Tương đối	-2	25	43	40

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021F	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,797	46,823	55,138	59,483
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	32,344	43,028	47,781	52,165
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	6,997	10,540	17,138	19,603
EPS (VND)	1,740	2,084	3,388	3,875
Tăng trưởng EPS (%)	-16%	20%	63%	14%
PER (x)	22.4	18.7	11.5	10.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,803	17,066	19,654	22,729
PBR (x)	1.97	2.29	1.98	1.72
ROE (%)	9.2%	13.1%	19.0%	18.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)	2.05%	2.05%	2.05%	2.05%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

12/12/2022

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
 thuannnd@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận 3Q2022 của VCS sụt giảm mạnh

Doanh thu 3Q2022 của VCS đạt 1,095 tỷ đồng (-42% YoY). Biên lợi nhuận gộp ghi nhận 31.4%, giảm so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 201 tỷ đồng (-58.5% YoY). Doanh thu và lợi nhuận sụt giảm nghiêm trọng do hoạt động xuất khẩu của VCS bị ảnh hưởng từ các yếu tố vĩ mô.

VCS có lợi thế cạnh tranh từ đầu vào, sản phẩm và thương hiệu

Vicostone làm chủ hầu hết nguyên liệu đầu vào, có lợi thế trong kiểm soát chi phí. Các nguyên liệu chính bao gồm nhựa Polyester (khoảng 40% chi phí NVL), hạt đá thạch anh (Quartz), Cristobalite (38% chi phí NVL) đều được cung cấp bởi nguồn cung nội địa hoặc từ công ty con của VCS.

Sản phẩm của VCS có nhiều ưu điểm hơn so với các loại vật liệu ốp lát khác với thiết kế đa dạng. Ngoài ra, doanh nghiệp có kinh nghiệm xuất khẩu, hệ thống phân phối và thương hiệu gây dựng ở nhiều quốc gia, tạo ưu thế lớn khi cạnh tranh trong ngành ngày càng trở nên khốc liệt.

Tuy nhiên, triển vọng tiêu thụ vẫn phải nhiều khó khăn tại các thị trường xuất khẩu chính

Lạm phát diễn ra tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu chính của VCS như Bắc Mỹ, Úc và EU. Chính vì vậy sức mua của người tiêu dùng bị ảnh hưởng và nhu cầu đối với những sản phẩm không thiết yếu giảm đi rõ rệt. Triển vọng tiêu thụ của VCS còn gặp khó cho tới khi tình hình lạm phát tại các quốc gia xuất khẩu chính được kiểm soát và nhu cầu Bất động sản, xây dựng quay trở lại.

Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu VCS với giá mục tiêu 73,000 VND/CP

Dựa trên định giá FCFF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VCS. Giá mục tiêu là 73,000 VNĐ/cổ phiếu với tổng mức sinh lời là 44% so với giá tại ngày 12/12/2022.

MUA

Giá mục tiêu 73,000 VND/CP

Tăng/giảm	51%
Giá hiện tại (18 Nov)	50,700
Giá mục tiêu đồng thuận	117,474
Vốn hóa (nghìn tỉ VNĐ/tỉ USD)	8.2/0.34

Dự phóng KQKD & định giá

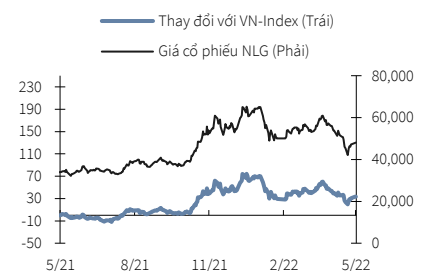
FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,660	7,070	5,630	4,902
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,679	2,116	1,330	1,272
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	1,428	1,772	1,125	1,078
EPS (VNĐ)	8,928	11,075	7,028	6,737
Tăng trưởng EPS (%)	1%	24%	-37%	-4%
P/E (x)	5.95	4.80	7.74	8.07
P/B (x)	2.07	1.64	1.57	1.65
ROE (%)	39%	41%	20%	18%
Tỷ suất cổ tức (%)	38%	31%	0	0

Dữ liệu giao dịch

Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	6.9/0.29
Sở hữu nước ngoài (%)	2.96%
Cổ đông lớn (%)	Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A (84.16%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-15	-2	-2	41
Tương đối	-6	3	0	-10



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng đến cuối phiên.
- Diễn biến đảo chiều nhanh trong phiên cùng thanh khoản tăng mạnh cho thấy những dấu hiệu của một phiên phân phối điển hình. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và lùi xuống các vùng hỗ trợ gần là 102x và sâu hơn là 100x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh mua giá thấp khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ sâu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa:

Kháng cự gần:

Hỗ trợ gần:

Hỗ trợ xa:

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên, F1 đảo chiều giảm điểm giảm co trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh áp đảo bên mua đã khiến cho chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1060 và trạng thái thị trường dần trở nên tiêu cực hơn. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và lùi xuống các vùng hỗ trợ gần là 102x và sâu hơn là 100x trước khi hồi phục trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế SHORT đã mở, chỉ đóng khi chỉ số vượt vùng kháng cự xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

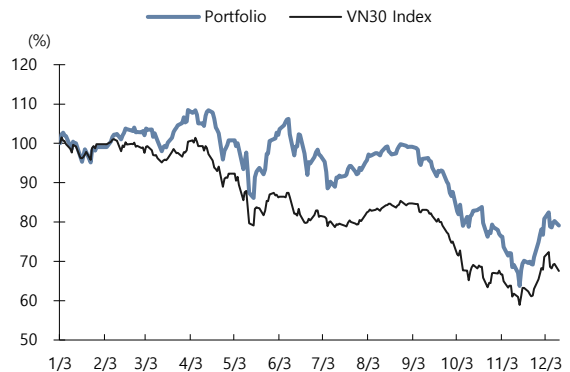
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.60%	-1.43%
Tăng lũy kế (YTD)	-32.45%	-20.90%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/12/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	45,900	-0.6%	18.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	14,100	0.0%	-50.5%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	111,800	-0.1%	45.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	120,000	0.8%	-37.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,000	0.0%	170.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	77,000	-1.3%	217.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	27,450	-2.1%	45.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	105,000	-0.9%	43.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	18,600	-3.1%	67.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	22,100	-6.9%	115.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	2.2%	15.6%	65.5
SHB	-0.9%	4.7%	40.1
FRT	0.5%	25.2%	34.8
MSN	0.0%	30.5%	27.9
STB	-4.9%	25.9%	27.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.9%	56.0%	-145.7
VRE	-6.4%	33.2%	-58.3
VHM	-6.7%	24.1%	-56.1
KDH	-7.0%	37.4%	-41.1
HPG	-3.1%	21.3%	-58.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.2%	0.6%	5.7
PVS	-3.5%	18.1%	2.1
CEO	-9.7%	0.8%	1.5
INC	-10.0%	6.6%	0.7
SHS	-7.5%	5.8%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
THD	-7.0%	1.2%	-1.6
BTS	2.9%	0.2%	-0.5
PLC	0.0%	1.3%	-0.2
MBG	2.2%	1.1%	-0.0
TTH	-4.2%	0.3%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	6.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	5.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Thương mại & phân phối	1.7%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cơ sở hạ tầng & vận tải	1.5%	GMD, LGC, CII, HAH
Tiện ích điện	1.0%	PGV, NT2, PPC, TTA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-9.1%	VHM, VIC, NVL, BCM
Chứng khoán	-7.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích khí	-7.2%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	-7.2%	VCB, BID, VPB, TCB
Máy móc	-7.0%	TCH, HHS, SRF, SHA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	41.2%	HPG, HSG, NKG, KSB
Chứng khoán	17.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	16.8%	VGC, BMP, SHI, DAG
Xây dựng và kỹ thuật	16.1%	DIG, HDG, VCG, PC1
Tập đoàn công nghiệp	15.7%	REE, BCG, PET, EVG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-16.6%	DHC, HAP, HHP, VID
Thương mại & phân phối	-10.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Tiện ích khí	-9.8%	GAS, PGD, PMG
Máy móc	-4.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bảo hiểm	-4.3%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)					
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	191,830 (7.9)	22.5	32.0	33.5	14.7	5.8	6.6	2.2	2.1	-6.9	-7.3	16.2	-33.6		
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	206,643 (8.4)	26.6	6.8	5.8	35.9	22.4	21.4	1.4	1.2	-6.7	-	13.4	14.4	-38.4	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	69,323 (2.8)	17.8	24.6	17.0	-7.6	7.8	10.6	1.9	1.8	-6.4	-	14.3	6.9	-10.1	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	736,401 (30.1)	31.3	5.9	4.4	6.7	10.8	13.1	0.6	0.4	6.9	-	-	19.6	57.5	-80.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	100,274 (4.1)	11.6	16.9	15.0	13.7	11.1	11.4	1.7	1.5	-7.0	-	10.1	38.4	-39.7	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	225,924 (9.3)	13.9	9.6	11.1	-	8.3	6.4	0.7	0.6	-7.0	-	11.6	35.4	-61.9	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	119,446 (4.9)	6.3	13.3	11.6	11.7	21.1	19.0	2.7	2.2	0.1	-8.9	2.5	-1.8		
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,856 (3.1)	12.7	12.2	9.4	-5.3	18.1	18.8	2.0	1.6	-2.8	-7.6	5.8	2.7		
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	205,069 (8.4)	0.0	4.5	4.4	14.3	20.9	17.5	0.8	0.7	-3.7	-6.2	19.3	-45.6		
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	213,113 (8.7)	1.4	8.7	7.6	50.3	16.2	17.6	1.3	1.1	-2.1	-4.0	16.3	-19.0		
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	336,279 (13.8)	0.0	5.9	6.5	18.8	21.3	16.1	1.1	1.0	-1.5	-8.3	2.1	-30.2		
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	250,655 (10.2)	0.0	4.5	4.0	14.6	24.7	22.9	1.0	0.8	-2.7	-6.8	10.6	-26.5		
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	44,058 (1.8)	4.2	5.1	4.7	23.3	23.4	20.5	1.1	0.9	-3.6	-4.4	9.5	-34.4		
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	549,644 (22.5)	14.0	-	-	26.5	13.5	16.6	1.0	0.9	-4.9	-4.5	36.5	-32.4		
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	190,129 (7.8)	0.0	7.2	6.7	37.4	20.5	18.1	1.2	1.0	1.8	-1.1	15.1	-44.2		
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	130,320 (5.3)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	7.0	8.7	-1.2	-29.2			
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	41,857 (1.7)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	1.3	-4.0	-1.0	-13.4		
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,882 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-2.3	-8.3	16.7	-51.8		
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	478,451 (19.6)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	-5.4	-7.9	35.8	-60.7		
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	213,029 (8.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-7.0	-8.0	21.3	-55.8		
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	173,030 (7.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-5.9	-	10.9	18.1	-54.2	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	427,402 (17.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.8	-2.7	47.4	-56.6		
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	180,501 (7.4)	42.1	19.6	17.3	4.0	26.5	29.7	4.8	4.8	-1.9	-7.6	0.1	-9.1		
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	39,744 (1.6)	36.9	22.0	19.9	7.3	23.5	22.8	4.7	4.2	0.2	-0.8	-5.1	18.1		
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	117,182 (4.8)	16.5	34.1	24.8	-51.9	11.1	14.4	3.6	3.1	0.0	-7.6	12.1	-31.9		
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	31,818 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	-0.9	16.8	-62.0		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	45,554 (1.9)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	-0.1	4.2	10.0	-13.2		
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	29,124 (1.2)	10.8	15.7	16.1	-57.0	13.7	13.2	2.1	2.0	-0.2	-0.9	7.3	0.5		
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	80,586 (3.3)	38.4	4.2	20.5	65.7	16.0	3.0	0.6	0.6	-3.5	-9.5	11.3	-70.3		
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-		
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	235,928 (9.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.5	-3.7	35.7	-61.6		
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	16,103 (0.7)	3.6	-	17.5	-52.4	-0.2	2.0	-	-	6.9	8.7	35.1	-64.2		
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	30,925 (1.3)	0.0	11.0	11.2	-4.5	17.0	15.4	1.9	1.7	0.0	0.8	15.6	33.1		

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	43,098 (1.8)	46.1	14.0	14.5	-17.5	25.1	21.8	3.4	3.1	-0.9	-7.2	-7.8	9.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,876 (0.9)	31.4	9.5	8.3	-10.5	19.8	19.9	-	-	-0.5	3.4	19.8	4.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,335 (0.1)	34.1	14.8	7.5	-5.1	6.2	11.7	-	-	1.1	-1.1	9.4	-44.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	747,780 (30.6)	18.0	11.5	9.7	21.9	10.6	12.0	1.1	1.0	-3.1	-7.0	51.2	-47.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	90,370 (3.7)	36.5	3.5	5.3	-0.5	38.3	23.7	1.3	1.1	0.1	4.8	8.0	-14.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	116,246 (4.8)	46.5	4.0	6.6	-4.5	45.7	22.8	1.6	1.4	1.2	0.5	1.6	-21.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	159,423 (6.5)	38.9	9.1	5.9	67.9	7.0	10.0	0.6	0.5	-6.9	-8.4	48.8	-61.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	26,218 (1.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.4	-5.0	16.8	-62.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	33,827 (1.4)	4.6	65.3	14.1	-51.0	4.9	10.5	1.6	1.6	2.3	-3.0	14.3	-42.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	120,043 (4.9)	39.9	-	21.5	-11.9	-1.2	1.9	0.7	0.7	-2.1	-1.8	12.2	-26.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	37,865 (1.5)	35.9	8.1	7.7	2.2	14.7	14.5	1.1	1.0	-1.5	-2.0	16.8	-19.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	168,379 (6.9)	0.0	14.2	11.8	14.4	21.3	22.6	2.9	2.5	-0.6	-3.6	6.7	-32.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	28,020 (1.1)	0.0	15.6	13.5	2.4	24.8	22.1	3.1	2.6	-0.1	-2.7	15.0	16.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,402 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	3.2	50.5	-55.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	91,736 (3.7)	30.3	19.7	17.1	-75.2	24.7	23.1	4.3	3.6	0.5	5.3	7.2	10.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,748 (1.4)	34.6	7.2	8.4	41.2	28.7	22.5	1.9	1.8	0.7	-1.3	19.7	-36.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,084 (0.0)	45.4	12.0	11.3	10.7	22.0	21.1	2.7	2.4	0.4	-0.8	4.5	-24.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	104,294 (4.3)	0.0	15.5	13.4	15.5	27.3	27.8	3.8	3.3	-1.3	-1.7	5.8	-0.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.